

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2022/HS-ST**
Ngày 21/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Th Linh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2022/HSST ngày 16/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HS ngày 08/4/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Trung D** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 22/4/1995, tại thành phố Hải Phòng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số Y đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12

Con ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1970 và con bà Lê Thị H, sinh năm: 1973, hiện trú tại: Thôn X, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con đầu. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2021, ngày 25/7/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thế H** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 21/11/1992, tại thành phố Hải Phòng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số Y đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12;

Con ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1969 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị A, sinh năm: 1994 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019, hiện đều trú tại: Thôn 3, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số: 54/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xử phạt: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2021 - *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

3. Họ và tên: **Trần Văn T** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 10/6/1993, tại tỉnh: Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Số Y đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Trần Văn Th, sinh năm: 1970 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971, hiện trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/7/2021, ngày 25/7/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1987 (Trú tại: Thôn 14, xã Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1970 (Trú tại: Tổ 1, thôn 13, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

3. Chị Phạm Thị Hồng Ph, sinh năm 1980 (Trú tại: 11/11B đường S, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

4. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1953 (Trú tại: Số 355, thôn 1, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

5. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985 (Trú tại: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

6. Chị Phạm Thị Thanh Ng, sinh năm 1999 (Trú tại: Hẻm 266 đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ cũ; Số 42/3 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

7. Chị Bùi Hương Gi, sinh năm 1991 (Trú tại: Số 23/1 đường Mậu, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - *(Vắng mặt)*.

8. Chị Vũ Như Thị Ái Nh (Vũ Thị Ái Nh), sinh năm 1993 (Trú tại: Số 7/5/1 đường Ph, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

9. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1983 (Trú tại: Tổ dân phố 6, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

10. Chị Phan Thị Kim Á, sinh năm 1978 (Trú tại: Thôn 10, xã Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

11. Chị H' Y Niê Brít, sinh năm 1990 (Trú tại: Buôn B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

12. Chị H' A Hđók, sinh năm 1987 (Trú tại: 81/1 đường 19, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

13. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1977 (Trú tại: Số 23/1 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

14. Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1977 (Trú tại: Đường 10, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

15. Chị H' U Niê, sinh năm 1963 (Trú tại: Số 124 đường S, buôn B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

16. Chị H' L Niê Brít, sinh năm 1988 (Trú tại: Hẻm 124 đường S, buôn B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

17. Anh Đỗ Lưu H, sinh năm 1976 (Trú tại: Số 46/3 đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

18. Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 1968 (Trú tại: Số 209 đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

19. Bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1956 (Trú tại: Đường A, thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

Địa chỉ cũ: Số 117 đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

20. Chị Bùi Thị Thanh Th, sinh năm 1976 (Trú tại: Số 22/25 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

21. Bà Nguyễn Thị Công Nh, sinh năm 1959 (Trú tại: Số 04/2/10 đường Ng, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

22. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (Trú tại: Số 413 đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

23. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1960 (Trú tại: Tổ dân phố 6, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

24. Bà Phạm Thị Thuý H, sinh năm: 1978 (Trú tại: Liên gia 5, Tổ dân phố 10, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

25. Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm: 1969 (Trú tại: Thôn 7, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (*Vắng mặt*).

26. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1966 (Trú tại: Số 197 đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

27. Bà Phan Thị L, sinh năm: 1954 (Trú tại: số 41 đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

28. Bà Mai Thị H, sinh năm: 1968 (Trú tại: Thôn 7, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

29. Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm: 1986 (Trú tại: số 8/3 đường A, thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

30. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1968 (Trú tại: thôn 1, xã Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

31. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Trú tại số 266 đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

32. Chị H' Th Êban, sinh năm 1988 (Trú tại: Số 45/10 đường Y, tổ dân phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

33. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965 (Trú tại: Số 34 đường B, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Vắng mặt).

34. Anh Phan Ngọc H, sinh năm 1998 (Trú tại: Số 203 đường Ch, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

35. Anh Lê Văn H, sinh năm 1986 (Trú tại: Số 10/1C đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) - (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

36. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1970 (Trú tại: Thôn X, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng) - (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 03/2021, Nguyễn Trung D đi từ thành phố Hải Phòng vào thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lời bất chính. Sau đó, Nguyễn Trung D in các tờ rơi quảng cáo với nội dung “CHO VAY TRẢ GÓP” kèm theo các số điện thoại 0832235035 - 0935978136 - 0706088059 để người dân cần vay tiền liên lạc, rồi đi rải các tờ rơi trên tại các khu vực trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Khi có người liên hệ vay tiền, Nguyễn Trung D đến gặp để xác minh, kiểm tra nơi ở, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh, các giấy tờ tùy thân khác để cho vay và thỏa thuận với người vay về tiền lãi cũng như cách thức trả tiền. Số tiền Nguyễn Trung D cho vay dao động từ 2.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng/ người/ lần vay, thời hạn vay từ 24 ngày đến 30 ngày, người vay phải trả tiền gốc, lãi suất từ 304%-365%/năm và trả trước 01 ngày. Ngoài ra, Nguyễn Trung D còn thu 5%-10% tổng số tiền vay gọi là phí dịch vụ. Để mở rộng hoạt động cho vay tiền, Nguyễn Trung D rủ Nguyễn Thế H cùng

góp tiền để cho vay và thỏa thuận số tiền lãi thu được chia theo tỉ lệ số tiền mỗi người góp thì H đồng ý, góp số tiền 105.000.000 đồng, rồi H đi từ thành phố Hải Phòng vào thành phố Buôn Ma Thuột để hoạt động cho vay tiền với Nguyễn Trung D. Đến tháng 5/2021, Nguyễn Trung D tiếp tục rủ Trần Văn T góp tiền cho vay, thì T đồng ý. Sau đó, T nhờ Nguyễn Văn L, trú tại: Thôn X, xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng chuyển cho Nguyễn Trung D số tiền 50.000.000 đồng để Nguyễn Trung D cho vay. Nguyễn Trung D và T thỏa thuận, Nguyễn Trung D sẽ lấy số tiền 50.000.000 đồng của T để cho người dân vay tiền trước, tiền phí thì Nguyễn Trung D được hưởng còn tiền gốc và tiền lãi thì T hưởng, khi nào T vào thành phố Buôn Ma Thuột thì Nguyễn Trung D sẽ bàn giao lại người vay, tiền gốc và tiền lãi lại cho T để T tiếp tục cho vay. Đến ngày 11/6/2021, T vào thành phố Buôn Ma Thuột, để tiếp quản việc vay tiền nên Nguyễn Trung D đã bàn giao lại toàn bộ người vay, tiền gốc và tiền lãi cho T tiếp tục cho vay. Ngày 18/6/2021, Hoàng Văn Nh, trú tại thôn 4, xã C, huyện Ng, thành phố Hải Phòng từ Hải Phòng vào thành phố Buôn Ma Thuột chơi, thì gặp Nguyễn Trung D. Lúc này, Nguyễn Trung D thỏa thuận thuê Nh với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, lo ăn, ở để Nh phụ giúp Nguyễn Trung D đi thu, chi tiền cho vay. Để Nh quen biết người vay và cách thức thu, chi tiền nên hằng ngày Nguyễn Trung D điều khiển xe mô tô, chở Nh đến chỗ người vay tiền để học việc. Khi tới nơi, Nguyễn Trung D vào thu tiền, còn Nh ở ngoài xe đợi không tham gia thu tiền. Để quản lý hoạt động cho vay tiền, Nguyễn Trung D mua một tài khoản quản lý cho vay tiền góp trên website: *Mecash.vn* với giá 2.000.000 đồng đặt tên đăng nhập: “Subeo8386”, mật khẩu đăng nhập “Tinhanhem8386”, sau đó Nguyễn Trung D lập thêm 03 tài khoản con để quản lý tiền cho vay gồm: Tài khoản “Zinzin123” là tài khoản quản lý tiền cho vay của Nguyễn Trung D và H; “Tienly1102” là tài khoản quản lý tiền cho vay của T; “cuahang1” là tài khoản quản lý tiền cho vay của Nguyễn Trung D. Nguyễn Trung D sử dụng máy tính xách tay hiệu DELL, màu đen, kiểu LATITUDE E7450 để đăng nhập vào các tài khoản quản lý người vay và sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha xe Novo LX, biển số 15B1-272.05 làm phương tiện đi thu và cho vay tiền góp. Còn T sử dụng mô tô hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, biển số 47P4-0305 làm phương tiện đi thu và cho vay tiền góp.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 3/2021 đến tháng 07/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Những người vay tiền của Nguyễn Trung D, gồm:

1.1. Anh Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1987, trú tại: Thôn 14, xã Kh, thành phố B.

Ngày 05/7/2021, vay 4.000.000 đồng, trong 25 ngày, phí vay 200.000 đồng. Mỗi ngày trả 200.000 đồng, gồm tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Anh Th đã trả được 10 ngày, còn nợ số tiền gốc là 2.400.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 21.918 đồng, thu lợi bất chính số tiền 578.082 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

1.2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1970, trú tại: Tổ 1, thôn 13, xã E, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 27/6/2021 + khoản vay 2 ngày 12/7/2021, mỗi khoản 4.000.000 đồng (tổng cộng 8.000.000 đồng), trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng + tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị L đã trả đủ 25 ngày khoản 1 và 03 ngày khoản 2, nợ số tiền gốc là 3.520.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 61.370 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.458.630 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền phí vay).

1.3. Chị Phạm Thị Hồng Ph, sinh năm 1980, trú tại: Số B đường S, phường A, thành phố B:

- Khoản vay 1 ngày 14/6/2021 + khoản vay 2 ngày 17/6/2021 + khoản vay 3 ngày 27/6/2021 + khoản vay 4 ngày 30/6/2021 + khoản vay 5 ngày 11/7/2021, mỗi khoản 4.000.000 đồng (tổng cộng 20.000.000 đồng), trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng + tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Ph đã trả đủ cho khoản vay 1, 2, 3, 4 và trả 04 ngày khoản vay 5, nợ số tiền gốc là 3.360.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 227.947 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.932.053 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 6: Ngày 08/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Ph đã trả được 07 ngày, nợ tiền gốc là 4.320.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 23.014 đồng, thu lợi bất chính số tiền 696.986 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D cho chị Ph vay là 26.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 250.961 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.629.039 đồng (trong đó có 1.300.000 đồng tiền phí vay). Chị Ph còn nợ tiền gốc là 7.680.000 đồng.

1.4. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1953, trú tại: Số 355, thôn 1, xã K, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 25/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 200.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này chị Y đã trả đủ với số tiền 5.000.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.145.205 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Ngày 12/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Y đã trả được 03 ngày, còn nợ tiền gốc là 5.280.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 9.863 đồng, thu lợi bất chính số tiền 470.137 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D cho chị Y vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 64.658 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.615.342 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay). Chị Y còn nợ tiền gốc là 5.280.000 đồng.

1.5. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1985, trú tại: Buôn A, phường E, thành phố B:

Ngày 14/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị T đã trả được 01 ngày, còn nợ số tiền gốc vay là 5.760.000 đồng. D thu lãi hợp pháp là 3.288 đồng, thu lợi bất chính số tiền 346.712 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay).

Như vậy tổng số tiền D cho 05 người vay là 54.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 402.195 đồng, thu lợi bất chính số tiền 9.627.805 đồng.

2. Những người vay tiền của Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H, gồm:

2.1. Chị Phạm Thị Thanh Ng, sinh năm 1999, trú tại: Hẻm 266 đường Y, phường L, thành phố B:

- Khoản vay 1 ngày 11/6/2021 + khoản vay 2 ngày 28/6/2021 + khoản vay 3 ngày 12/7/2021, mỗi khoản vay số tiền 4.000.000 đồng (tổng cộng 12.000.000 đồng), trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Ng đã trả đủ cho khoản vay 1, 2 và trả 03 ngày cho khoản vay 3, còn nợ lại số tiền gốc là 3.520.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 116.165 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.603.835 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 4: Ngày 14/7/2021, vay số tiền 2.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 100.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Ng đã trả được 01 ngày với tổng số tiền 100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 80.000 đồng, lãi là 20.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 1.920.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 1.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 118.904 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị Ng vay là 14.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 117.261 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.722.739 đồng (trong đó có 700.000 đồng tiền phí vay). Chị Ng còn nợ lại số tiền gốc là 5.440.000 đồng.

2.2. Chị Bùi Hương Gi, sinh năm 1991, trú tại: Số 23/1 đường M, phường T, thành phố B:

- Khoản vay 1 ngày 15/6/2021 + khoản vay 2 ngày 21/6/2021 + khoản vay 3 ngày 28/6/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng (tổng cộng 12.000.000 đồng), trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Ba khoản vay này chị Gi đã trả đủ với số tiền 15.000.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 164.385 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.435.615 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 4: Ngày 12/7/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, thời gian, phí vay, trả tiền gốc+lãi/ngày như khoản vay 1 (lãi suất tương ứng là 365%/năm). Chị Gi đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 480.000 đồng, lãi là 120.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 3.520.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 6.575 đồng, thu lợi bất chính số tiền 313.425 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 5: Ngày 05/7/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, thời gian, phí vay, trả tiền gốc+lãi/ngày như khoản vay 1 (lãi suất tương ứng là 365%/năm). Chị Gi đã trả được 10 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.600.000 đồng, lãi là 400.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 2.400.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 21.918 đồng, thu lợi bất chính số tiền 578.082 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị Gi vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 192.878, thu lợi bất chính số tiền 4.327.122 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay). Chị Gi còn nợ lại số tiền gốc là 5.920.000 đồng.

2.3. Chị Vũ Như Thị Ái Nh, sinh năm 1993, trú tại: Số 7/5/1 đường Ph, phường T, thành phố B:

- Khoản vay 1 khoảng giữa tháng 5/2021 + khoản vay 2 ngày 08/6/2021 + + khoản vay 3 ngày 19/6/2021, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng (tổng cộng 15.000.000 đồng), trong thời gian 24 ngày, phí mỗi lần vay 250.000 đồng, mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (lãi suất tương ứng là 304%/năm). Ba khoản vay này chị Nh đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 197.259 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.552.741 đồng (trong đó có 750.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 4: Ngày 01/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời gian vay, phí vay, trả tiền gốc+lãi/ngày như khoản vay 1 (lãi suất tương ứng là 304%/năm). Chị Nh đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 625.000 đồng, lãi là 125.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 4.375.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 8.219 đồng, thu lợi bất chính số tiền 366.781 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 5 khoảng cuối tháng 5/2021 + khoản vay 6 ngày 06/6/2021 + khoản vay 7 ngày 17/6/2021, mỗi lần vay số tiền 2.000.000 đồng, trong thời gian 24 ngày, phí vay 100.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 83.333 đồng, tiền lãi là 16.667 đồng (lãi suất tương ứng là 304%/năm). Ba khoản vay này chị Nh đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 78.903 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.421.097 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 8: Ngày 29/6/2021, vay số tiền 2.000.000 đồng, thời gian, phí vay, trả tiền gốc+lãi/ngày như khoản vay 5 (lãi suất tương ứng là 304%/năm). Chị Nh đã trả được 08 ngày với tổng số tiền 800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 666.667 đồng, lãi là 133.333 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 1.333.333 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 8.767 đồng, thu lợi bất chính số tiền 224.566 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị Nh vay là 28.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 293.148 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.565.185 đồng (trong đó có 1.400.000 đồng tiền phí vay). Chị Nh còn nợ lại số tiền gốc là 5.708.333 đồng.

2.4. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố 6, phường Kh, thành phố B:

- Khoản vay 1 khoảng cuối tháng 3/2021 + khoản vay 2 ngày 06/6/2021 + khoản vay 3 ngày 19/6/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Th đã trả đủ các khoản vay này. D và H thu lãi hợp pháp là 246.576 đồng, thu lợi bất chính số tiền 5.153.424 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 4: Đầu tháng 4/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 500.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Th đã trả đủ, tiền lãi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 5 khoảng cuối tháng 4/2021 + khoản vay 6 đầu tháng 5/2021 + khoản vay 7 cuối tháng 5/2021 + khoản vay 8 ngày 09/6/2021 + khoản vay 9 ngày 22/6/2021, mỗi lần vay số tiền 18.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 900.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 720.000 đồng, tiền lãi là 180.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Th đã trả đủ các khoản vay này. D và H thu lãi hợp pháp là 1.232.875 đồng, thu lợi bất chính số tiền 25.767.125 đồng (trong đó có 4.500.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 10: Ngày 04/7/2021, vay số tiền 24.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 1.200.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 960.000 đồng, tiền lãi là 240.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Th đã trả được 11 ngày với tổng số tiền 13.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.560.000 đồng, lãi là 2.640.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 13.440.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 144.657 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.695.343 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 11 đầu tháng 4/2021 + khoản vay 12 cuối tháng 4/2021 + khoản vay 13 giữa tháng 5/2021 + khoản vay 14 cuối tháng 5/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Các khoản vay này chị Th đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 219.180 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.580.820 đồng (trong đó có 800.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 15: Khoảng đầu tháng 7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị Th đã trả được 06 ngày với tổng số tiền 1.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.440.000 đồng, lãi là 360.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 4.560.000 đồng. D và H thu

lãi hợp pháp là 19.726 đồng, thu lợi bất chính số tiền 640.274 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị Th vay là 164.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 42.700.000 đồng (trong đó có 8.200.000 đồng). Chị Th còn nợ lại số tiền gốc là 18.000.000 đồng.

2.5. Chị Phan Thị Kim Á, sinh năm 1978, trú tại: Thôn 10, xã Hoà Kh, thành phố B:

- Khoản vay 1: Khoảng giữa tháng 5/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 250.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (*lãi suất tương ứng là 304%/năm*). Khoản vay này chị Á đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.184.247 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Khoảng tháng 5/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 24 ngày, không thu phí vay, 01 ngày trả tiền gốc là 416.667 đồng, tiền lãi là 83.333 đồng (*lãi suất tương ứng là 304%/năm*). Chị Á đã trả được 21 ngày với tổng số tiền 10.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.750.000 đồng, lãi là 1.750.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 1.250.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 115.068 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.634.932 đồng.

Tổng số tiền D và H cho chị Á vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 180.821 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.819.179 đồng. Chị Á còn nợ lại số tiền gốc là 1.250.000 đồng.

2.6. Chị H' Y Niê Brít, sinh năm 1990, trú tại: Hẻm 124 đường S, buôn B, phường E, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 23/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 500.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này chị H' Y đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.681.507 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Ngày 05/7/2021, vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 350.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 280.000 đồng, tiền lãi là 70.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị H' Y đã trả được 10 ngày với tổng số tiền 3.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.800.000 đồng, lãi là 700.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 4.200.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 38.356 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.011.644 đồng (trong đó có 350.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị H' Y vay là 12.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 106.849 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.693.151 đồng (trong đó có 850.000 đồng tiền phí vay). Chị H' Y còn nợ lại số tiền gốc là 4.200.000 đồng.

2.7. Chị H' A Hđórk, sinh năm 1990, trú tại: 81/1 Đường 19, phường E, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 05/6/2021 + khoản vay 2 ngày 14/6/2021 + khoản vay 3 ngày 28/6/2021 + khoản vay 4 ngày 09/7/2021, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 250.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1, 2, 3 chị H' A đã trả đủ; Khoản vay 4 đã trả được 06 ngày với số tiền 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, lãi là 300.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 3.800.000 đồng. Tổng cộng D và H cho chị H' A vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 221.917 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.828.083 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

2.8. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1977, trú tại: 23/1 đường H, phường T, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 26/6/2021 + khoản vay 2 ngày 10/7/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1 chị Ph đã trả đủ; Khoản vay 2 chị Ph đã trả được 05 ngày với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000 đồng, lãi là 200.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 3.200.000 đồng. Tổng cộng D và H cho chị Ph vay là 8.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 65.754 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.534.246 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền phí vay).

2.9. Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1977, trú tại: Đường 10, xã C, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 05/6/2021 + khoản vay 2 ngày 13/6/2021 + khoản vay 3 ngày 27/6/2021 + khoản vay 4 ngày 09/7/2021, mỗi lần vay số tiền 8.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 400.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 320.000 đồng, tiền lãi là 80.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Các khoản vay 1, 2, 3 chị Ng đã trả đủ; Khoản vay 4 chị Ng đã trả được 06 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.920.000 đồng, lãi là 480.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 6.080.000 đồng. Tổng cộng D và H cho chị Ng vay là 32.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 355.068 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.724.932 đồng (trong đó có 1.600.000 đồng tiền phí vay).

2.10. Chị H' U Niê, sinh năm 1963, trú tại: Hẻm 124 đường S, buôn B, phường E, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 02/7/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 200.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này chị H' U đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.145.205 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay)

- Khoản vay 2: Ngày 14/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị H' U đã trả được 01 ngày với tổng số tiền 300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, lãi là 60.000 đồng, còn nợ số

tiền gốc là 5.760.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 3.288 đồng, thu lợi bất chính số tiền 356.712 đồng (trong đó có số tiền 300.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và H cho chị H' U vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 58.083 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.501.917 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay). Chị H' U còn nợ số tiền gốc là 5.760.000 đồng.

2.11. Chị H' L Niê Brít, sinh năm 1988, trú tại: Hẻm 124 đường S, buôn B, phường E, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 26/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 200.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này chị H'L đã trả đủ. D và H thu lãi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.145.205 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Ngày 14/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị H'L đã trả được 06 ngày với tổng số tiền 1.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.440.000 đồng, lãi là 360.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 4.560.000 đồng. D và H thu lãi hợp pháp là 19.726 đồng, thu lợi bất chính số tiền 640.274 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

Tổng cộng số tiền D và H cho chị H'L vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 74.521 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.785.479 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay). Chị H'L còn nợ số tiền gốc vay là 4.560.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền D và H cho 11 người vay là 333.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 3.666.300 đồng, thu lợi bất chính số tiền 78.202.033 đồng.

3. Những người vay tiền của Nguyễn Trung D và Trần Văn T:

3.1. Anh Đỗ Lưu H, sinh năm 1976, trú tại: 46/3 đường G, phường T, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 04/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, không thu phí, 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này anh H đã trả đủ. D và T thu lãi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng.

- Khoản vay 2 ngày 17/6/2021 + khoản vay 3 ngày 29/6/2021 + khoản vay 4 ngày 11/7/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 2, 3 anh H đã trả đủ; Khoản vay 4 anh H đã trả được 2,5 ngày với số tiền 750.000 đồng, trong đó tiền gốc là 600.000 đồng, lãi là 150.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 5.400.000 đồng. D và T thu lãi hợp pháp là 172.603 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.877.397 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và T cho anh H vay là 22.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 227.398 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.822.602 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí). Anh H còn nợ số tiền gốc là 5.400.000 đồng.

3.2. Chị Đoàn Thị Qu, sinh năm 1968, trú tại: Số X đường L, phường A, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 10/6/2021 + khoản vay 2 ngày 25/6/2021 + khoản vay 3 ngày 07/7/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1, 2 chị Qu đã trả đủ; Khoản vay 3 chị Qu đã trả được 07 ngày với số tiền 2.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.680.000 đồng, lãi là 420.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 4.320.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho chị Qu vay là 18.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 187.398 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.132.602 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí). Chị Qu còn nợ số tiền gốc là 4.320.000 đồng.

3.3. Bà Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1956, trú tại: Đường A10, thôn 1, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột:

Khoản vay 1 ngày 06/6/2021 + khoản vay 2 ngày 20/6/2021 + khoản vay 3 ngày 05/7/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Bà Gi đã trả đủ khoản vay 1, 2; Khoản vay 3 bà Gi đã trả được 03 ngày với số tiền 900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 720.000 đồng, lãi là 180.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 5.280.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà Gi vay là 18.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 174.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.905.753 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí).

3.4. Chị Bùi Thị Thanh Th, sinh năm 1976, trú tại: số Y đường V, phường T, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 02/6/2021 + khoản vay 2 ngày 15/6/2021 + khoản vay 3 ngày 05/7/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1, 2 chị Th đã trả đủ; Khoản vay 3 Chị Th đã trả được 12 ngày với số tiền 3.600.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.880.000 đồng, lãi là 720.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 3.120.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho chị Th vay là 18.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 203.836 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.416.164 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí).

3.5. Bà Nguyễn Thị Công Nh, sinh năm 1959, trú tại: Số Z đường Ng, phường A, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 30/5/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 1.000.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này bà Nh đã

trả đủ. D và T thu lãi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.363.014 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Ngày 19/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 500.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này bà Nh đã trả đủ. D và T thu lãi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.863.014 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 3: Ngày 04/7/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian, phí vay, trả tiền gốc+lãi/ngày như khoản vay 2. Bà Nh đã trả được 11 ngày với số tiền 5.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.400.000 đồng, lãi là 1.100.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 5.600.000 đồng. D và T thu lãi hợp pháp là 60.274 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.539.726 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và T cho bà Nh vay là 30.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 334.246 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.765.754 đồng. Bà Nh còn nợ số tiền gốc là 5.600.000 đồng.

3.6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952, trú tại: 413 Phạm Văn Đồng, phường Tân Hoà, thành phố Buôn Ma Thuột:

Khoản vay 1 ngày 05/6/2021 + khoản vay 2 ngày 17/6/2021 + khoản vay 3 ngày 01/7/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1, 2 bà T đã trả đủ; Khoản vay 3 bà T đã trả được 11 ngày với số tiền 3.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.640.000 đồng, lãi là 660.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 3.360.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà T vay là 18.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 200.548 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.359.452 đồng (trong đó có 900.000 đồng tiền phí vay).

3.7. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1960, trú tại: Tổ dân phố 6, phường H, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 14/6/2021 + khoản vay 2 ngày 27/6/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1 bà Th đã trả đủ; Khoản vay 2 bà Th đã trả được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.400.000 đồng, lãi là 600.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 1.600.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà Th vay là 8.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 87.672 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.912.328 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền phí vay).

3.8. Bà Phạm Thị Thuý H, sinh năm: 1978, trú tại: Liên gia 5, Tổ dân phố 10, phường H, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 09/6/2021+ khoản vay 2 ngày 23/6/2021, mỗi lần vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 300.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất*

tương ứng là 365%/năm). Khoản vay 1 bà H đã trả đủ; Khoản vay 2 bà H đã trả được số tiền 4.700.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.760.000 đồng, lãi là 940.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 2.240.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà H vay là 12.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 133.808 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.906.192 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay).

3.9. Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm: 1969, trú tại: Thôn 7, xã C, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 07/6/2021 + Khoản vay 2 ngày 23/6/2021, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần cho vay 500.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1 bà Ngọc A đã trả đủ; Khoản vay 2 bà Ngọc A đã trả được 16 ngày với số tiền 8.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 6.400.000 đồng, lãi là 1.600.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 3.600.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà Ngọc A vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 224.657 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.875.343 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

3.10. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1966, trú tại: 197 đường Đ, phường H, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 02/6/2021 + khoản vay 2 ngày 24/6/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1 bà Kim A đã trả đủ; Khoản vay 2 bà Kim A đã trả được 20 ngày với số tiền 4.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.200.000 đồng, lãi là 800.000 đồng, còn nợ số tiền gốc vay là 800.000 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà Kim A vay là 8.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 98.631 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.101.369 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền phí vay).

3.11. Bà Phan Thị L, sinh năm: 1954, trú tại: số 41 đường A, xã Ê, thành phố B:

- Khoản vay 1 ngày 04/6/2021 + khoản vay 2 ngày 16/6/2021, mỗi lần vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí mỗi lần vay 200.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay 1 bà L đã trả đủ; Khoản vay 2 bà L đã trả 2.550.000 đồng, trong đó tiền gốc là 2.040.000 đồng, lãi là 510.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 1.960.000 đồng. D và T thu lãi hợp pháp là 82.740 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.827.260 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 3: Ngày 14/6/2021, vay số tiền 2.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 100.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Bà L đã trả được 21 ngày với số tiền 2.100.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.680.000 đồng, lãi là 420.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 320.000 đồng. D và T thu lãi hợp pháp là 23.014 đồng, thu lợi bất chính số tiền 496.986 đồng (trong đó có 100.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền D và T cho bà L vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 105.754 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.324.246 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay). Bà L còn nợ lại số tiền gốc là 2.280.000 đồng.

3.12. Bà Mai Thị H, sinh năm: 1968, trú tại: Thôn 7, xã Ê, thành phố B:

Ngày 16/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 250.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này bà H đã trả đủ, tiền lãi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.431.507 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền phí vay).

3.13. Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm: 1986, trú tại: số 3 đường 10, thôn 1, xã Ê, thành phố B:

Ngày 03/6/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 600.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Bà Y đã trả được số tiền 4.150.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.300.000 đồng, lãi là 850.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 45.534 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.404.466 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay). Bà Y còn nợ lại số tiền gốc là 2.700.000 đồng.

3.14. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1968, trú tại: thôn 1, xã Th, thành phố B:

Khoản vay 1 ngày 24/5/2021 + khoản vay 2 ngày 14/6/2021, mỗi lần vay số tiền 20.000.000 đồng, trong thời gian 24 ngày, phí mỗi lần vay 1.000.000 đồng. Mỗi khoản 01 ngày trả tiền gốc là 833.333 đồng, tiền lãi là 166.667 đồng (*lãi suất tương ứng là 304%/năm*). Khoản vay 1 bà Hòa đã trả đủ; Khoản vay 2 bà Hòa đã trả được 19 ngày với số tiền 19.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 15.833.327 đồng, lãi là 3.166.673 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 4.166.667 đồng. Tổng số tiền D và T cho bà Hòa vay là 40.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 471.233, thu lợi bất chính số tiền 8.695.433 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền phí vay).

3.15. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại số 2 đường K, phường L, thành phố B:

- Khoản vay 1: Ngày 04/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 200.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Khoản vay này chị H đã trả đủ, tiền lãi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.145.205 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay).

- Khoản vay 2: Ngày 17/6/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị H đã trả được 05 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, lãi là 300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 16.438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 583.562 đồng (trong đó có 300.000 đồng tiền phí vay). Chị H còn nợ số tiền gốc vay là 4.800.000 đồng.

Tổng số tiền D và T cho chị H vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 71.233 đồng, thu lợi bất chính 1.728.767 đồng (trong đó có 500.000 đồng tiền phí vay). Chị H còn nợ số tiền gốc vay là 4.800.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền D và T cho vay là 243.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.634.688 đồng, thu lợi bất chính số tiền 56.781.978 đồng.

4. Những người vay tiền của Trần Văn T gồm:

4.1. Chị H' Th Êban, sinh năm 1988, trú tại: Số 45 đường N, TDP 1, phường T, thành phố B:

Ngày 14/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 250.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Chị H' Th đã trả được 01 ngày với tổng số tiền 250.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, lãi là 50.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.740 đồng, thu lợi bất chính số tiền 297.260 đồng (trong đó có 250.000 tiền phí vay). Chị H' Th còn nợ số tiền gốc vay là 4.800.000 đồng.

4.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965, trú tại: Số 34 đường B, phường L thành phố B:

Ngày 25/6/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Bà H đã trả được số tiền 5.300.000 đồng, trong đó tiền gốc là 4.240.000 đồng, tiền lãi là 1.060.000 đồng, lãi hợp pháp là 58.027 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.301.973 đồng (trong đó có 300.000 tiền phí vay). Bà H còn nợ số tiền gốc vay là 1.760.000 đồng.

4.3. Anh Phan Ngọc H, sinh năm 1998, trú tại: Số 203 đường Ch, thành phố B: Ngày 08/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, phí vay 300.000 đồng, 01 ngày trả tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (*lãi suất tương ứng là 365%/năm*). Anh H đã trả được 6 ngày với tổng số tiền 1.800.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.440.000 đồng, lãi là 360.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 19.726 đồng, thu lợi bất chính số tiền 640.274 đồng (trong đó có 300.000 tiền phí vay). Anh H còn nợ số tiền gốc vay là 4.560.000 đồng.

Tổng số tiền T đã cho 03 người vay là 17.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 80.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 2.239.507 đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự thì “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”

Tại bản Cáo trạng số: 97/CT-VKS-HS ngày 15/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Trung D về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Trung D từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Văn T, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- **Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 02 sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 01 sim; 01 Máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu đen, kiểu LATITUDE E7450; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen bạc, biển số 47P4-0305, số khung 5B9608Y042130, số máy: 5B96042130, dung tích xi lanh 110, loại xe hai bánh từ 50-175cm³ và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Văn Hưng (là tài sản của Nguyễn Trung D).

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359278060362082, gắn 01 sim Viettel và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSmax, màu đen, gắn 01 sim Vinaphone cho Nguyễn Trung D và Lê Văn T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Lưu giữ tại hồ sơ vụ án đối với 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, bên vay: H' Th Êban; 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, bên vay: Trần Thị Thanh T; 01 Giấy căn cước công dân photo của Nguyễn Thế H; 01 Hợp đồng cho thuê nhà, bên thuê: Nguyễn Thế H.

Tịch thu tiêu hủy đối với 26 mẫu Hợp đồng cho cá nhân vay tiền; 01 Cuốn sổ màu đen, có chữ ADMIRE; 200 tờ giấy có in nội dung "CHO VAY TRẢ GÓP" có in số điện thoại 0832235035 và 200 tờ giấy có in nội dung "CHO VAY TRẢ GÓP" có in số điện thoại 0935978136.

Trả lại 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Quang Lợi, số 160416130; 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ H' Th Êban, số 160042221 và 01 chứng minh nhân dân số: 240859697, mang tên Trần Thị Thanh T cho ông Lợi, chị H' Th Êban, bà T nhận, quản lý sử dụng.

Tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Novo LX, màu đen bạc, biển số 15B1- 272.05 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 010222, mang tên Hà Văn Bình.

Về phần dân sự của vụ án:

Buộc Nguyễn Trung D hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tấn Th số tiền 578.082 đồng, chị Phạm Thị L số tiền 1.458.630 đồng, chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền 5.629.039 đồng, chị Nguyễn Thị Y số tiền 1.615.342 đồng, chị Trần Thị Thanh T số tiền 346.712 đồng.

Buộc Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 2.722.739 đồng, chị Bùi Hương Gi số tiền 4.327.122 đồng, chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 5.565.185 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 42.700.000 đồng, chị Phan Thị Kim Á số tiền 2.819.179 đồng, chị H'Y Niê Brít số tiền 2.693.151 đồng, chị H'A Hđók số tiền 4.828.083 đồng, chị Nguyễn Thị Ph số tiền 1.534.246 đồng, chị Trần Thị Ng số tiền 7.724.932 đồng, chị H' U Niê số tiền 1.501.917 đồng, chị H' L Niê Brít số tiền 1.785.479 đồng.

Buộc Nguyễn Trung D và Trần Văn T hoàn trả lại cho anh Đỗ Lưu H số tiền 4.822.602 đồng, chị Đoàn Thị Qu số tiền 4.132.602 đồng, bà Nguyễn Thị Gi số tiền 3.905.753 đồng, chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 4.416.164 đồng, bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 7.765.754 đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền 4.359.452 đồng, bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.912.328 đồng, bà Phạm Thị Thúy H số tiền 2.906.192 đồng, bà Võ Thị Ngọc A số tiền 4.875.343 đồng, bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 2.101.369 đồng, bà Phan Thị L số tiền 2.324.246 đồng, bà Mai Thị H số tiền 1.431.507 đồng, bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 1.404.466 đồng, bà Cao Thị Hòa số tiền 8.695.433 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 1.728.767 đồng.

Buộc Trần Văn T hoàn trả lại cho chị H'Th Êban số tiền 297.260 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.301.973 đồng và anh Phan Ngọc H số tiền 640.274 đồng.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Trung D số tiền 54.000.000 đồng tiền gốc và 402.195 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 54.402.195 đồng để sung công quỹ Nhà

nước. Khấu trừ số tiền 24.640.000 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D, Nguyễn Trung D còn bị truy thu số tiền 29.762.195 đồng.

Truy thu của các bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H số tiền 333.000.000 đồng tiền gốc và 3.666.300 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 336.666.300 đồng, để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 63.918.333 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D và H, bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H còn bị truy thu số tiền 272.747.967 đồng.

Truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 243.000.000 đồng tiền gốc và 2.634.688 đồng, tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 245.634.688 đồng, để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 49.266.667 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo T, bị cáo Trần Văn T còn bị truy thu số tiền 196.368.021 đồng.

Truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 17.000.000 đồng tiền gốc và 80.493 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 17.080.493 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 11.120.000 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo T, bị cáo Trần Văn T còn bị truy thu số tiền 5.960.493 đồng.

Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc (còn nợ Nguyễn Trung D), gồm: Anh Nguyễn Tấn Th số tiền 2.400.000 đồng; chị Phạm Thị L số tiền 3.520.000 đồng; chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền 7.680.000 đồng; chị Nguyễn Thị Y số tiền 5.280.000 đồng và chị Trần Thị Thanh T số tiền 5.760.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc (còn nợ Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H), gồm: Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 5.440.000 đồng; chị Bùi Hương Gi số tiền 5.920.000 đồng; chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 5.708.333 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 18.000.000 đồng; chị Phan Thị Kim Á số tiền 1.250.000 đồng; chị H' Y Niê Brit số tiền 4.200.000 đồng; chị H' A Hđók số tiền 3.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ph số tiền 3.200.000 đồng; chị Trần Thị Ng số tiền 6.080.000 đồng; chị H' U Niê số tiền 5.760.000 đồng và chị H' L Niê Brit số tiền 4.560.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc (còn nợ Nguyễn Trung D và Trần Văn T), gồm: Anh Đỗ Lưu H số tiền 5.400.000 đồng; chị Đoàn Thị Qu số tiền 4.320.000 đồng; chị Nguyễn Thị Gi số tiền 5.280.000 đồng; chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 3.120.000 đồng; chị Nguyễn Thị Công Nh số tiền 5.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 3.360.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th số tiền 1.600.000 đồng; chị Phạm Thị Thúy H số tiền 2.240.000 đồng; chị Võ Thị Ngọc A số tiền 3.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 800.000 đồng; chị Phan Thị L số tiền 2.280.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 2.700.000 đồng; chị Cao Thị Hòa số tiền 4.166.667 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 4.800.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc (còn nợ Trần Văn T), gồm: Chị H' Th Êban số tiền 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 1.760.000 đồng; anh Phan Ngọc H số tiền 4.560.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Từ tháng 3/2021 đến ngày 14/7/2021 (khi bị Cơ quan Công an phát hiện), trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, nhóm Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

Nguyễn Trung D cho anh Nguyễn Tấn Th, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Hồng Ph, chị Nguyễn Thị Y và chị Trần Thị Thanh T vay tổng số tiền là 54.000.000đ, theo hình thức trả góp với lãi suất 365%, vượt quá 18 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 9.627.805đ;

Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H cho chị Phạm Thị Thanh Ng, chị Bùi Hương Gi, chị Vũ Như Thị Ái Nh, chị Nguyễn Thị Thanh Th, chị Phan Thị Kim Á, chị H'Y Niê Brit, chị H'A Hđók, chị Nguyễn Thị Ph, chị Trần Thị Ng, chị H' U Niê và chị H'L Niê Brit, vay tổng số tiền 333.000.000đ, theo hình thức trả góp với lãi suất từ 304% đến 365%/ năm, vượt quá từ 15 lần đến 18 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 78.202.033đ;

Nguyễn Trung D và Trần Văn T cho anh Đỗ Lưu H, chị Đoàn Thị Qu, bà Nguyễn Thị Gi, chị Bùi Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Công Nh, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, bà Phạm Thị Thúy H, bà Võ Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Phan Thị L, bà Mai Thị H, bà Phạm Thị Ngọc Y, bà Cao Thị H và chị Nguyễn Thị H, vay tổng số tiền 243.000.000đ, theo hình thức trả góp với lãi suất từ 304% đến 365%/ năm, vượt quá từ 15 lần đến 18 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 56.781.978đ;

Trần Văn T cho chị H'Th Êban, bà Nguyễn Thị H và anh Phan Ngọc H, vay tổng số tiền 17.000.000đ, theo hình thức trả góp với lãi suất 365%, vượt quá 18 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.239.507đ.

Như vậy tổng số tiền Nguyễn Trung D cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính là **144.611.816** đồng; Tổng số tiền Nguyễn Thế H cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính là **78.202.033** đồng; Tổng số

tiền Trần Văn T cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thu lợi bất chính là **59.021.485** đồng.

Xét thấy lời khai của các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 97/CT-VKS-HS ngày 15/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất 304% đến 365%/năm, vượt quá, gấp từ 15 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; Trong đó phần Nguyễn Trung D tham gia cho vay, thu lợi bất chính tổng số tiền là 144.611.816 đồng, phần Nguyễn Thế H tham gia cho vay, thu lợi bất chính tổng số tiền là 78.202.033 đồng, phần Trần Văn T tham gia cho vay, thu lợi bất chính tổng số tiền là 59.021.485 đồng. Do đó bị cáo D đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015; Các bị cáo H và T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Xét trong vụ án, các bị cáo phạm tội đồng phạm với tính chất giản đơn; Các bị cáo tham gia nhưng vai trò, mức độ, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự khác nhau nên cần phân tích, đánh giá riêng để áp dụng mức hình phạt phù hợp cho từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Trung D thực hiện hành vi tích cực, tham gia cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã thu lợi bất chính với số tiền là 144.611.816 đồng, cao hơn các bị cáo khác. Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D cao hơn các bị cáo H, T.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế H thực hiện hành vi tích cực, tham gia cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã thu lợi bất chính với số tiền là 78.202.033 đồng, thấp hơn bị cáo D nhưng cao hơn bị cáo T. Bị cáo bị xét xử về hành vi phạm tội khác nhưng không lấy đó là bài học trong việc chấp hành pháp luật. Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H thấp hơn bị cáo D nhưng cao hơn bị cáo T.

Đối với bị cáo Trần Văn T tham gia cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã thu lợi bất chính với số tiền thấp nhất là 59.021.485 đồng. Do đó trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là thấp nhất.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D, bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo H đã ra đầu thú; Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo D, T; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu; Xét tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột đề nghị cho bị cáo D hưởng án treo là có phù hợp; Việc cách ly bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, nên có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát của gia đình và địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt và không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo, mỗi bị cáo một số tiền thích hợp để nộp vào công quỹ Nhà nước.

[8] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo.

[9] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 02 sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 01 sim; 01 Máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu đen, kiểu LATITUDE E7450; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen bạc, biển số 47P4-0305, số khung P9608Y042130, số máy: 5B96042130, dung tích xi lanh 110, loại xe hai bánh từ 50-175cm³ và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Văn Hưng (là tài sản của Nguyễn Trung D), là phương tiện, tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359278060362082, gắn 01 sim Viettel và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSmax, màu đen, gắn 01 sim Vinaphone, là tài sản của Nguyễn Trung D và Lê Văn T không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, bên vay: H' Th Êban; 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền, bên vay: Trần Thị Thanh T; 01 Giấy căn cước công dân photo của Nguyễn Thế H; 01 Hợp đồng cho thuê nhà, bên thuê: Nguyễn Thế H, là vật chứng của vụ án thể hiện việc các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T thực hiện hành vi phạm tội nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với 26 mẫu Hợp đồng cho cá nhân vay tiền; 01 Cuốn sổ màu đen, có chữ ADMIRE; 200 tờ giấy có in nội dung "CHO VAY TRẢ GÓP" có in số điện thoại 0832235035 và 200 tờ giấy có in nội dung "CHO VAY TRẢ GÓP" có in số điện thoại 0935978136, là công cụ các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Quang Lợi, số 160416130; 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ H' Th Êban, số 160042221 và 01 chứng minh nhân dân số: 240859697, mang tên Trần Thị Thanh T, là các giấy tờ cá nhân của những người vay tiền của các Nguyễn Trung D Nguyễn Thế H và Trần Văn T, nên cần trả lại cho ông L, chị H' Th Êban, bà T nhận, quản lý sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Novo LX, màu đen bạc, biển số 15B1-272.05 và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 010222, mang tên Hà Văn Bình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa làm việc được với ông Bình, chưa xác minh được chủ sở hữu nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 9.627.805 đồng; Trong đó: Anh Nguyễn Tấn Th số tiền 578.082 đồng, chị Phạm Thị L số tiền 1.458.630 đồng, chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền 5.629.039 đồng, chị Nguyễn Thị Y số tiền 1.615.342 đồng, chị Trần Thị Thanh T số tiền 346.712 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Trung D thu lợi bất chính của những người vay nên cần buộc Nguyễn Trung D hoàn trả lại cho anh Th, chị L, chị Ph, chị Y và chị T là phù hợp.

Đối với số tiền 78.202.033 đồng; Trong đó: Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 2.722.739 đồng, chị Bùi Hương Gi số tiền 4.327.122 đồng, chị Vũ Như Thị Ái Nh

số tiền 5.565.185, chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 42.700.000 đồng, chị Phan Thị Kim Á số tiền 2.819.179 đồng, chị H'Y Niê Brít số tiền 2.693.151, chị H'A Hđók số tiền 4.828.083 đồng, chị Nguyễn Thị Ph số tiền 1.534.246 đồng, chị Trần Thị Ng số tiền 7.724.932 đồng, chị H' U Niê số tiền 1.501.917 đồng, chị H' L Niê Brít số tiền 1.785.479 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H thu lợi bất chính của những người vay nên cần buộc Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H hoàn trả lại cho chị Ng, chị Gi, chị Nh, chị Th, chị Kim A, chị H' Y Niê Brít, chị H'A Hđók, chị Ph, chị Ng, chị H' U Niê và chị H' L Niê Brít là phù hợp.

Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Trung D và bị cáo Nguyễn Thế H, mỗi bị cáo phải trả lại cho chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền: $2.722.739 \text{ đồng} / 2 = 1.361.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị Bùi Hương Gi số tiền $4.327.122 \text{ đồng} / 2 = 2.163.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền $5.565.185 \text{ đồng} / 2 = 2.782.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền $42.700.000 \text{ đồng} / 2 = 21.350.000 \text{ đồng}$; chị Phan Thị Kim Á số tiền $2.819.179 \text{ đồng} / 2 = 1.409.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị H'Y Niê Brít số tiền $2.693.151 \text{ đồng} / 2 = 1.346.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị H'A Hđók số tiền $4.828.083 \text{ đồng} / 2 = 2.414.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị Nguyễn Thị Ph số tiền $1.534.246 \text{ đồng} / 2 = 767.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị Trần Thị Ng số tiền $7.724.932 \text{ đồng} / 2 = 3.862.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị H' U Niê số tiền $1.501.917 \text{ đồng} / 2 = 750.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn); chị H' L Niê Brít số tiền $1.785.479 \text{ đồng} / 2 = 892.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

Đối với số tiền 56.781.978 đồng; Trong đó: Anh Đỗ Lưu H số tiền 4.822.602 đồng, chị Đoàn Thị Qu số tiền 4.132.602 đồng, bà Nguyễn Thị Gi số tiền 3.905.753 đồng, chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 4.416.164 đồng, bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 7.765.754 đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền 4.359.452 đồng, bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.912.328 đồng, bà Phạm Thị Thúy H số tiền 2.906.192 đồng, bà Võ Thị Ngọc A số tiền 4.875.343 đồng, bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 2.101.369 đồng, bà Phan Thị L số tiền 2.324.246 đồng, bà Mai Thị H số tiền 1.431.507 đồng, bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 1.404.466 đồng, bà Cao Thị Hòa số tiền 8.695.433 đồng và chị Nguyễn Thị H số tiền 1.728.767 đồng, là tiền bị cáo Nguyễn Trung D và Trần Văn T thu lợi bất chính của những người vay nên cần buộc Nguyễn Trung D và Trần Văn T hoàn trả lại cho anh H, chị Qu, bà Gi, chị Th, bà Nh, bà T, bà Th, bà H, bà Ngọc A, bà Kim A, bà L, bà Ngọc Y, bà H và chị H là phù hợp.

Cụ thể: Bị cáo Trần Văn T phải trả lại cho anh Đỗ Lưu H số tiền 4.822.000 đồng (đã làm tròn); chị Đoàn Thị Qu số tiền 3.832.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Gi số tiền 3.605.000 đồng (đã làm tròn); chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 4.116.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 6.765.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị T số tiền 4.059.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.912.000 đồng (đã làm tròn); bà Phạm Thị Thúy H số tiền 2.606.000 đồng (đã làm tròn); bà Võ Thị Ngọc A số tiền 4.375.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 1.901.000 đồng (đã làm tròn); bà Phan Thị L số tiền 2.124.000 đồng (đã làm tròn); bà Mai Thị H số tiền 1.431.000 đồng (đã làm tròn); bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 804.000 đồng (đã làm tròn); bà Cao Thị Hòa số tiền

7.695.000 đồng (đã làm tròn); chị Nguyễn Thị H số tiền 1.528.000 đồng (đã làm tròn).

Bị cáo Nguyễn Trung D phải trả lại cho chị Đoàn Thị Qu số tiền 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Gi số tiền 300.000 đồng, cho chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng, bà Phạm Thị Thúy H số tiền 300.000 đồng, bà Võ Thị Ngọc A số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 200.000 đồng, bà Phan Thị L số tiền 200.000 đồng, bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 600.000 đồng, bà Cao Thị Hòa số tiền 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 200.000 đồng.

Đối với số tiền 2.239.507 đồng; Trong đó: Chị H'Th Êban số tiền 297.260 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.301.973 đồng và anh Phan Ngọc H số tiền 640.274 đồng, là tiền bị cáo Trần Văn T thu lời bất chính của những người vay nên cần buộc Trần Văn T hoàn trả lại cho chị H'Th Êban, bà H và anh H là phù hợp.

Đối với số tiền 54.000.000 đồng tiền gốc và 402.195 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 54.402.195 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D sử dụng phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 24.640.000 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo Nguyễn Trung D, bị cáo Nguyễn Trung D còn bị truy thu số tiền 29.762.195 đồng.

Đối với số tiền 333.000.000 đồng tiền gốc và 3.666.300 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 336.666.300 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H sử dụng phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 63.918.333 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H, bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H còn bị truy thu số tiền 272.747.967 đồng. Cụ thể: Truy thu của bị cáo Nguyễn Trung D và bị cáo Trần Văn T, mỗi bị cáo số tiền $272.747.967 \text{ đồng} / 2 = 136.373.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

Đối với số tiền 243.000.000 đồng tiền gốc và 2.634.688 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 245.634.688 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D và Trần Văn T sử dụng phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có, là tiền của Trần Văn T đưa cho Nguyễn Trung D cho vay giúp để T thu lợi bất chính nên cần truy thu của Trần Văn T để sung công quỹ Nhà nước; Khấu trừ số tiền 49.266.667 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Văn T còn bị truy thu số tiền 196.368.021 đồng.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng tiền gốc và 80.493 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 17.080.493 đồng, là phương tiện bị cáo Trần Văn T sử dụng phạm tội và khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền 11.120.000 tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Văn T còn bị truy thu số tiền 5.960.493 đồng.

Đối với số tiền gốc những người vay còn nợ Nguyễn Trung D, gồm: Anh Nguyễn Tấn Th số tiền 2.400.000 đồng; chị Phạm Thị L số tiền 3.520.000 đồng;

chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền 7.680.000 đồng; chị Nguyễn Thị Y số tiền 5.280.000 đồng và chị Trần Thị Thanh T số tiền 5.760.000 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D sử dụng phạm tội nên cần buộc anh Th, chị L, chị Ph, chị Y và chị T nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc những người vay còn nợ Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H, gồm: Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 5.440.000 đồng; chị Bùi Hương Gi số tiền 5.920.000 đồng; chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 5.708.000 đồng (đã làm tròn); chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 18.000.000 đồng; chị Phan Thị Kim Á số tiền 1.250.000 đồng; chị H' Y Niê Brít số tiền 4.200.000 đồng; chị H' A Hđók số tiền 3.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ph số tiền 3.200.000 đồng; chị Trần Thị Ng số tiền 6.080.000 đồng; chị H' U Niê số tiền 5.760.000 đồng và chị H' L Niê Brít số tiền 4.560.000 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H sử dụng phạm tội nên cần buộc chị Ng, chị Gi, chị Ái Nh, chị Thanh Th, chị Kim Á, chị H' Y Niê Brít, chị H' A Hđók, chị Ph, chị Ng, chị H' U Niê và chị H' L Niê Brít nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc những người vay còn nợ Nguyễn Trung D và Trần Văn T gồm: Anh Đỗ Lưu H số tiền 5.400.000 đồng; chị Đoàn Thị Qu số tiền 4.320.000 đồng; chị Nguyễn Thị Gi số tiền 5.280.000 đồng; chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 3.120.000 đồng; chị Nguyễn Thị Công Nh số tiền 5.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 3.360.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th số tiền 1.600.000 đồng; chị Phạm Thị Thúy H số tiền 2.240.000 đồng; chị Võ Thị Ngọc A số tiền 3.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 800.000 đồng; chị Phan Thị L số tiền 2.280.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 2.700.000 đồng; chị Cao Thị Hòa số tiền 4.166.000 đồng (đã làm tròn) và chị Nguyễn Thị H số tiền 4.800.000 đồng, là phương tiện bị cáo Nguyễn Trung D và Trần Văn T sử dụng phạm tội nên cần buộc anh H, chị Qu, chị Gi, chị Thanh Th, chị Công Nh, chị T, chị Th, chị H, chị Ngọc A, chị Kim A, chị L, chị Ngọc Y, chị H và chị H nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc những người vay còn nợ Trần Văn T, gồm: Chị H' Th Êban số tiền 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 1.760.000 đồng; anh Phan Ngọc H số tiền 4.560.000 đồng, là phương tiện bị cáo Trần Văn T sử dụng phạm tội nên cần buộc chị H' Th Êban, chị H, anh H nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

[10] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Trong quá trình điều tra ngoài những người vay nêu trên, các bị cáo còn cho nhiều người khác vay tiền, cụ thể: Nguyễn Trung D và Nguyễn Thế H còn cho một số người chưa rõ nhân thân, lai lịch vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: Người phụ nữ tên Hoa, người phụ nữ tên L, người phụ nữ tên Hương, người đàn ông tên Đức A, người phụ nữ tên H'Nuê, người phụ nữ tên H, người phụ nữ tên Liên, người phụ nữ tên Th, người phụ nữ tên Hân, người đàn ông tên Dũng, người phụ nữ tên Qu, người phụ nữ tên H'Jun, người phụ nữ tên Sara, người phụ nữ tên Bình, người phụ nữ tên Th, người đàn ông tên Quân, người phụ

nữ tên Nguyễn, người phụ nữ tên Thọ, người phụ nữ tên Uyên, người phụ nữ tên Thái, người phụ nữ tên A, người phụ nữ tên Trúc và người đàn ông tên Thành. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với những người không rõ nhân thân, lai lịch mà bị cáo Nguyễn Trung D cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: Người phụ nữ tên Cúc, người phụ nữ tên Nh, người phụ nữ tên Hòa, người đàn ông tên Vinh, người phụ nữ tên H, người phụ nữ tên H, người phụ nữ tên Chúc, người phụ nữ tên Trinh, người phụ nữ tên Vy, người phụ nữ tên Trang, người đàn ông tên Long, người phụ nữ tên Uyên, người phụ nữ tên Chi, người phụ nữ tên Duyệt, người phụ nữ tên Khánh Toàn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với những người không rõ nhân thân, lai lịch mà bị cáo Nguyễn Trung D và Trần Văn T cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: Người phụ nữ tên Trang, người phụ nữ tên Hương, người phụ nữ tên T, người phụ nữ tên Hân, người phụ nữ tên Dung, người phụ nữ tên A và người phụ nữ tên Hương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn L là người cho Trần Văn T mượn số tiền 50.000.000 đồng để T góp tiền với Nguyễn Trung D hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao; Hoàng Văn Nh là người đi cùng với Nguyễn Trung D, đi thu, chi tiền cho vay lãi nặng của một số người nhưng Nh chỉ đứng ngoài không trực tiếp thu chi. Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Văn L và Hoàng Văn Nh đã đi khỏi địa phương, không làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi của Nguyễn Văn L và Hoàng Văn Nh ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với người đã bán tài khoản trên phần mềm “mecash.vn” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cho bị cáo Nguyễn Trung D để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

[11] Về án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

- Bị cáo Nguyễn Trung D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải hoàn trả lại cho những người vay, cụ thể: $[9.627.000đ \text{ (đã làm tròn)} + 39.096.000đ \text{ (đã làm tròn)} + 5.200.000đ] \times 5\% = 2.694.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}$;

- Bị cáo Nguyễn Thế H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải hoàn trả lại cho những người vay, cụ thể: $39.096.000đ \text{ (đã làm tròn)} \times 5\% = 1.954.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}$;

- Bị cáo Trần Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải hoàn trả lại cho những người vay, cụ thể: [51.575.000đ (đã làm tròn) + 2.239.000đ (đã làm tròn)] x 5% = 2.690.000 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 260, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung D;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung D: 01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trung D cho UBND phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế H;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ; Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T: 01 (một) năm 03 (ba) tháng** cải tạo không giam giữ và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 09 ngày (tương ứng 27 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 01 năm 02 tháng 03 ngày, tính từ ngày UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Ph nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thế H cho UBND xã K, huyện Ng, thành phố Hải Phòng và giao bị cáo Trần Văn T cho UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Văn T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong

trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thế H và Trần Văn T.

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự

+ Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trung D số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

+ Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thế H số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

+ Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự

[4.1] *Xử lý vật chứng:*

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 02 sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn 01 sim; 01 Máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu đen, kiểu LATITUDE E7450; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen bạc, biển số 47P4-0305, số khung P9608Y042130, số máy: 5B96042130, dung tích xi lanh 110, loại xe hai bánh từ 50-175cm³ và 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Lê Văn Hưng.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 359278060362082, gắn 01 sim Viettel cho Nguyễn Trung D và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSmax, màu đen, gắn 01 sim Vinaphone cho Trần Văn T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 26 mẫu Hợp đồng cho cá nhân vay tiền; 01 Cuốn sổ màu đen, có chữ ADMIRE; 200 tờ giấy có in nội dung “CHO VAY TRẢ GÓP” có in số điện thoại 0832235035 và 200 tờ giấy có in nội dung “CHO VAY TRẢ GÓP” có in số điện thoại 0935978136.

- Trả lại: 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Quang Lợi, số 160416130 cho ông Nguyễn Quang Lợi (bà Nguyễn Thị Y); 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ H’ Th Eban, số 160042221 và 01 chứng minh nhân dân số: 240859697, mang tên Trần Thị Thanh T.

(Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 05/4/2022 giữa Công an TP. Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

[4.2] *Trách nhiệm dân sự:*

- Buộc bị cáo Nguyễn Trung D hoàn trả lại cho những người vay với số tiền như sau: Anh Nguyễn Tấn Th số tiền 578.000 đồng (đã làm tròn); Chị Phạm Thị L số tiền 1.458. 000 đồng (đã làm tròn); Chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền

5.629.000 đồng (đã làm tròn); Chị Nguyễn Thị Y số tiền 1.615.000 đồng (đã làm tròn); Chị Trần Thị Thanh T số tiền 346.000 đồng (đã làm tròn); Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 1.361.000 đồng (đã làm tròn); Chị Bùi Hương Gi số tiền 2.163.000 đồng (đã làm tròn); Chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 2782.000 đồng (đã làm tròn); Chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 21.350.000 đồng; chị Phan Thị Kim Á số tiền 1.409.000 đồng (đã làm tròn); Chị H'Y Niê Brít số tiền 1.346.000 đồng (đã làm tròn); Chị H'A Hđók số tiền 2.414.000 đồng (đã làm tròn); Chị Nguyễn Thị Ph số tiền 767.000 đồng (đã làm tròn); Chị Trần Thị Ng số tiền 3.862.000 đồng (đã làm tròn); Chị H' U Niê số tiền 750.000 đồng (đã làm tròn); Chị H' L Niê Brít số tiền 892.000 đồng (đã làm tròn); Chị Đoàn Thị Qu số tiền 300.000 đồng; bà Nguyễn Thị Gi số tiền 300.000 đồng; chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 300.000 đồng; bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 1.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng; bà Phạm Thị Thúy H số tiền 300.000 đồng; bà Võ Thị Ngọc A số tiền 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 200.000 đồng; bà Phan Thị L số tiền 200.000 đồng; bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 600.000 đồng; bà Cao Thị Hòa số tiền 1.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thế H phải hoàn trả lại cho những người vay với số tiền như sau: Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 1.361.000 đồng (đã làm tròn); Chị Bùi Hương Gi số tiền 2.163.000 đồng (đã làm tròn); Chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 2782.000 đồng (đã làm tròn); Chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 21.350.000 đồng; chị Phan Thị Kim Á số tiền 1.409.000 đồng (đã làm tròn); Chị H'Y Niê Brít số tiền 1.346.000 đồng (đã làm tròn); Chị H'A Hđók số tiền 2.414.000 đồng (đã làm tròn); Chị Nguyễn Thị Ph số tiền 767.000 đồng (đã làm tròn); Chị Trần Thị Ng số tiền 3.862.000 đồng (đã làm tròn); Chị H' U Niê số tiền 750.000 đồng (đã làm tròn); Chị H' L Niê Brít số tiền 892.000 đồng (đã làm tròn).

- Buộc bị cáo Trần Văn T phải hoàn trả lại cho những người vay với số tiền như sau: Anh Đỗ Lưu H số tiền 4.823.000 đồng (đã làm tròn); chị Đoàn Thị Qu số tiền 3.833.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Gi số tiền 3.606.000 đồng (đã làm tròn); chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 4.116.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Công Nh số tiền 6.766.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị T số tiền 4.059.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Thu số tiền 1.912.000 đồng (đã làm tròn); bà Phạm Thị Thúy H số tiền 2.606.000 đồng (đã làm tròn); bà Võ Thị Ngọc A số tiền 4.375.000 đồng (đã làm tròn); bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 1.901.000 đồng (đã làm tròn); bà Phan Thị L số tiền 2.124.000 đồng (đã làm tròn); bà Mai Thị H số tiền 1.431.000 đồng (đã làm tròn); bà Phạm Thị Ngọc Y số tiền 804.000 đồng (đã làm tròn); bà Cao Thị Hòa số tiền 7.695.000 đồng (đã làm tròn); chị Nguyễn Thị H số tiền 1.528.000 đồng (đã làm tròn); Chị H'Th Êban số tiền 297.000 đồng (đã làm tròn); Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.301.000 đồng (đã làm tròn); Anh Phan Ngọc H số tiền 640.000 đồng (đã làm tròn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Các khoản truy thu, nộp lại sung công quỹ Nhà nước:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Trung D số tiền 29.762.000 đồng (đã làm tròn) + 136.373.000 đồng (đã làm tròn) = 166.135.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế H số tiền 136.373.000 đồng (đã làm tròn) để sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 196.368.000 đồng (đã làm tròn) + 5.960.000 đồng (đã làm tròn) = 202.328.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc (chưa trả nợ) như sau: Anh Nguyễn Tấn Th số tiền 2.400.000 đồng; Chị Phạm Thị L số tiền 3.520.000 đồng; Chị Phạm Thị Hồng Ph số tiền 7.680.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Y số tiền 5.280.000 đồng; Chị Trần Thị Thanh T số tiền 5.760.000 đồng; Chị Phạm Thị Thanh Ng số tiền 5.440.000 đồng; Chị Bùi Hương Gi số tiền 5.920.000 đồng; Chị Vũ Như Thị Ái Nh số tiền 5.708.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 18.000.000 đồng; Chị Phan Thị Kim Á số tiền 1.250.000 đồng; Chị H' Y Niê Brít số tiền 4.200.000 đồng; Chị H' A Hđók số tiền 3.800.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Ph số tiền 3.200.000 đồng; Chị Trần Thị Ng số tiền 6.080.000 đồng; Chị H' U Niê số tiền 5.760.000 đồng; Chị H' L Niê Brít số tiền 4.560.000 đồng; Anh Đỗ Lưu H số tiền 5.400.000 đồng; Chị Đoàn Thị Qu số tiền 4.320.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Gi số tiền 5.280.000 đồng; Chị Bùi Thị Thanh Th số tiền 3.120.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Công Nh số tiền 5.600.000 đồng; Chị Nguyễn Thị T số tiền 3.360.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Th số tiền 1.600.000 đồng; Chị Phạm Thị Thúy H số tiền 2.240.000 đồng; Chị Võ Thị Ngọc A số tiền 3.600.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 800.000 đồng; chị Phan Thị L số tiền 2.280.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Y số tiền 2.700.000 đồng; Chị Cao Thị Hòa số tiền 4.166.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H số tiền 4.800.000 đồng; Chị H' Th Êban số tiền 4.800.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H số tiền 1.760.000 đồng; Anh Phan Ngọc H số tiền 4.560.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước.

[5] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Trung D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm + 2.694.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị cáo Nguyễn Thế H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm + 1.954.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm + 2.690.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- UBND P. Tụ An, TP. BMT;
- UBND xã K, huyện Ng, TP. Hải Phòng;
- UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

VŨ VĂN ĐỨC